

Số: 74 /KH-UBND

Cầu Ngang, ngày 27 tháng 7 năm 2023

KẾ HOẠCH
Kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2023

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng (PCTN) năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan tổ chức, đơn vị (viết tắt là Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ); Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập (viết tắt là Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị); Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 18/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh Kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2023.

Để tổ chức triển khai, thực hiện việc kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2023 được kịp thời, đúng quy định trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn (viết là các cơ quan, đơn vị) thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân huyện. Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang ban hành kế hoạch thực hiện kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2023 với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân huyện trong việc tổ chức và thực hiện việc kê khai, công khai và kiểm soát tài sản, thu nhập nói chung và kê khai, công khai tài sản, thu nhập bổ sung hằng năm nói riêng.

- Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện đảm bảo nghiêm túc, đúng nội dung và thời gian quy định.

- Nâng cao ý thức tự giác, trách nhiệm, trung thực của người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập để minh bạch tài sản, thu nhập của mình.

2. Yêu cầu

- Thực hiện kê khai, công khai tài sản, thu nhập đảm bảo đúng nhiệm vụ, đối tượng, thời gian, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân huyện; triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật PCTN năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ và Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện phải có sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập với các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân huyện.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập

- Cán bộ, công chức.

- Người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Phương thức và thời điểm kê khai

- Kê khai bổ sung đối với trường hợp: người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên, trừ trường hợp đã kê khai theo quy định tại khoản 3, Điều 36 Luật PCTN năm 2018 (thuộc đối tượng kê khai hằng năm).

- Kê khai hằng năm đối với các trường hợp sau: Người có nghĩa vụ kê khai được quy định tại Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

- Việc kê khai bổ sung, kê khai hằng năm phải hoàn thành *trước ngày 15/11/2023*.

Lưu ý: việc kê khai của người được tiếp nhận, tuyển dụng, bổ trí vào vị trí công tác quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 34 của Luật PCTN năm 2018 và kê khai phục vụ công tác cán bộ quy định tại khoản 4 Điều 36 Luật PCTN năm 2018 thì được thực hiện tại thời điểm phát sinh.

3. Mẫu bản kê khai và việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập

- Việc kê khai lần đầu, kê khai hằng năm và kê khai phục vụ công tác cán bộ được thực hiện theo mẫu bản kê khai và hướng dẫn việc kê khai tại Phụ lục I được ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

- Việc kê khai bổ sung được thực hiện theo mẫu bản kê khai và hướng dẫn việc kê khai tại Phụ lục II được ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

4. Tổ chức việc kê khai tài sản, thu nhập

- Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai tổ chức việc kê khai tài sản, thu nhập có trách nhiệm:

+ Tổ chức xác định đối tượng kê khai tài sản, thu nhập: lần đầu, hằng năm, bổ sung và phục vụ công tác cán bộ đảm bảo theo quy định.

+ Ban hành văn bản phân công cán bộ và giao nhiệm vụ cho bộ phận tiếp nhận, quản lý bản kê khai tài sản, thu nhập.

+ Lập, phê duyệt danh sách người có nghĩa vụ kê khai theo quy định tại Điều 34 Luật PCTN năm 2018 và gửi về cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định.

+ Chỉ đạo hướng dẫn việc kê khai tài sản, thu nhập cho người có nghĩa vụ kê

khai.

+ Chỉ đạo lập sổ theo dõi, giao, nhận bản kê khai.

- Người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm kê khai theo mẫu và gửi 02 bản kê khai tài sản, thu nhập cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai.

5. Tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập

- Cán bộ được phân công của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý bản kê khai.

- Trường hợp bản kê khai không đúng theo mẫu hoặc không đầy đủ về nội dung thì cơ quan, tổ chức, đơn vị yêu cầu kê khai bổ sung hoặc kê khai lại. Thời hạn kê khai bổ sung hoặc kê khai lại là 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

- Trong thời hạn chậm nhất 20 ngày kể từ ngày nhận được bản kê khai, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai rà soát, kiểm tra bản kê khai và bàn giao 01 bản kê khai cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền theo quy định tại Điều 30 Luật PCTN năm 2018 và Quyết định số 56-QĐ/TW, ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị (**chậm nhất là ngày 22/12/2023**). Cụ thể:

+ Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy: tiếp nhận bản kê khai và kiểm soát người thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý và người công tác trong cơ quan Đảng của huyện.

+ Thanh tra huyện: tiếp nhận bản kê khai và kiểm soát người công tác tại cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân huyện, trừ đối tượng của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy quản lý.

6. Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập

Việc công khai bản kê khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

III. THỰC HIỆN BÁO CÁO KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT TÀI SẢN, THU NHẬP

Trong phạm vi thẩm quyền, trách nhiệm quản lý của mình, các cơ quan, đơn vị báo cáo kết quả triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2023¹ về cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập **chậm nhất là ngày 18/01/2024** (Đính kèm mẫu báo cáo).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các phòng, ban, ngành huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn, lãnh đạo các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND huyện căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức triển khai

¹ Báo cáo đầy đủ việc kê khai lần đầu của người được tiếp nhận, tuyển dụng, bổ trí vào vị trí công tác quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật PCTN năm 2018; kê khai phục vụ công tác cán bộ quy định tại khoản 4 Điều 36 Luật PCTN năm 2018; kê khai bổ sung và kê khai hàng năm.


thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương mình² bảo đảm kịp thời, thống nhất, hiệu quả; chỉ đạo tổ chức việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập; thực hiện chế độ báo cáo, bàn giao danh sách, bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; báo cáo UBND huyện (*qua Thanh tra huyện*) để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Đề nghị Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy có văn bản chỉ đạo việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2023 đối với các chức danh, chức vụ vị trí công tác của đối tượng thuộc quyền kiểm soát của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy để phối hợp với Thanh tra huyện thống nhất thực hiện trong toàn huyện.

3. Thanh tra huyện chủ trì, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện của các cơ quan, đơn vị và các cơ quan liên quan về kê khai, công khai tài sản, thu nhập theo quy định; thực hiện quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập; tổng hợp kết quả thực hiện, tham mưu UBND huyện báo cáo Thanh tra tỉnh theo quy định.

Yêu cầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này; quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh đến Thanh tra huyện để được hướng dẫn thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Thanh tra tỉnh (b/c);
- TTHU, TT. HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành đoàn thể huyện (3hệ);
- Các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc trên địa bàn huyện;
- Các Hội đặc thù trên địa bàn huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- BLĐVP;NC;
- Lưu: VT 

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Ngà

² Trên cơ sở kế hoạch này, các phòng, ban, ngành huyện, UBND xã, thị trấn triển khai thực hiện đến các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2023

(Kèm theo Kế hoạch số 74 /KH-UBND ngày 27/7/2023 của UBND huyện)

1. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập theo thẩm quyền:

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LIỆU
I	Kết quả kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2023		
1	Số người đã kê khai TSTN lần đầu	Người	
2	Số người đã kê khai TSTN hằng năm	Người	
3	Số người đã kê khai TSTN bổ sung	Người	
4	Số người đã kê khai TSTN phục vụ công tác cán bộ	Người	
5	Tổng số người đã được công khai bản KKTS	Người	
-	Số người đã công khai bản KKTS bằng hình thức niêm yết	Người	
-	Số bản kê khai công khai bằng hình thức công bố tại cuộc họp	Người	
II	Kết quả xác minh tài sản, thu nhập năm 2023		
6	Tổng số người đã tiến hành xác minh trong kỳ. Trong đó:	Người	
-	Số người được xác minh ngẫu nhiên theo kế hoạch của năm 2023	Người	
-	Số người được xác minh thuộc trường hợp khác	Người	
7	Số người đã ban hành kết luận xác minh	Người	
-	Số người chưa ban hành kết luận xác minh	Người	



8	Tổng số người đã có kết luận là không trung thực trong việc kê khai tài sản, thu nhập hoặc không trung thực trong việc giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm hoặc có hành vi vi phạm trong việc kê khai tài sản, thu nhập trong đó có ít nhất 01 hành vi không trung thực nêu trên.	Người	
9	Số người có kết luận về những vi phạm, sai sót khác như: kê khai sai mẫu, chưa đảm bảo theo hướng dẫn, không đầy đủ thông tin, thiếu chính xác về số liệu, thông tin kê khai chậm thời hạn quy định... (nhưng không bị kết luận là không trung thực trong việc kê khai tài sản, thu nhập hoặc không trung thực trong việc giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm)	Người	
in	Kết quả xử lý vi phạm trong công tác kê khai tài sản, thu nhập		
10	Số người bị xử lý do không trung thực trong việc kê khai tài sản, thu nhập và giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm	Người	
-	Xóa tên khỏi danh sách những người ứng cử	Người	
-	Không được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, phê chuẩn, cử vào chức vụ đã dự kiến	Người	
	Kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo	Người	
-	Kỷ luật bằng hình thức hạ bậc lương	Người	
	Kỷ luật bằng hình thức giáng chức	Người	
-	Kỷ luật bằng hình thức cách chức	Người	
-	Kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc hoặc bãi nhiệm	Người	
11	Số người bị xử lý kỷ luật do có những vi phạm khác trong công tác kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	

2. Đánh giá chung

- a) Ưu điểm:
- b) Hạn chế, tồn tại, khó khăn, vướng mắc.
- c) Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại, khó khăn, vướng mắc.
- d) Giải pháp kinh nghiệm để chủ động khắc phục những hạn chế, tồn tại, khó khăn, vướng mắc.

3. Kiến nghị, đề xuất:

a) Những vấn đề, nội dung cần quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể hoặc sửa đổi, bổ sung:

- . - về quy định của pháp luật về kiểm soát tài sản, thu nhập.
- về quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.
- về các quy định khác của Đảng, Nhà nước có liên quan.

b) Những nội dung kiến nghị khác nhằm khắc phục hạn chế, tồn tại, khó khăn, vướng mắc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả kiểm soát tài sản, thu nhập./.

